

## MỘT SỐ BỆNH TÍCH ĐẠI THỂ TRÊN THÂN THỊT VÀ NỘI TẠNG CỦA LỢN GIẾT MỔ TẠI MỘT SỐ HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Văn Tuyên\*

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên

### TÓM TẮT

Tiến hành quan sát và mổ khám sát bệnh tích đại thể từ các cơ quan nội tạng của 523 lợn giết mổ tại tỉnh Điện Biên. Chúng tôi phát hiện trong 523 lợn mổ khám có 397 lợn có một hoặc nhiều bệnh tích đại thể xuất hiện trên nội tạng lợn, chiếm tỉ lệ 75,91%. Trong đó, bệnh tích ở phổi chiếm tỉ lệ 70,03% với 5 dạng bệnh tích như phổi sung huyết - xuất huyết, phổi xẹp, phổi phù, phổi nhục hóa, phổi viêm. Bệnh tích ở gan chiếm tỉ lệ 44,33% với 4 dạng bệnh tích chủ yếu là sung huyết - xuất huyết, gan xơ, gan có đốm trắng, gan vàng. Bệnh tích ở thận chiếm tỉ lệ 17,02% với 3 dạng bệnh tích thường thấy là sung huyết, xuất huyết, áp xe hoại tử. Bệnh tích ở ruột chiếm tỉ lệ 16,88% và bệnh tích dạ dày xuất huyết chiếm tỉ lệ 13,35%.

**Từ khóa:** Lợn, Bệnh tích đại thể, nội tạng, Điện Biên.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành chăn nuôi lợn ở nước ta đang ngày một phát triển để đáp ứng nhu cầu thực phẩm trong nước và xuất khẩu. Điều này đã đem lại nhiều lợi nhuận cho người chăn nuôi. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi lợn cũng còn tồn tại nhiều khó khăn như công tác thú y chưa hoàn thiện, dịch bệnh trên lợn như lở mồm long móng, dịch tai xanh vẫn xảy ra... Những nguyên nhân này làm giảm hiệu quả kinh tế của ngành chăn nuôi lợn.

Trong quá trình duy trì sự sống, đấu tranh chống lại bệnh tật của cơ thể có sự tham gia của nhiều hệ cơ quan. Các cơ quan này luôn phải chịu tác động của nhiều tác nhân gây bệnh: vi trùng, ký sinh trùng, độc chất... Kết quả là để lại nhiều bệnh tích trên da, cơ quan phụ tạng khi mổ bệnh tấn công.

Việc khám bệnh tích trên lợn tại lò mổ rất có ý nghĩa trong việc chẩn đoán và phòng trị bệnh nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan. Qua việc khám bệnh tích giúp thấy được ảnh hưởng của bệnh trong quá trình sống để có biện pháp điều trị cũng như xử lý hợp lý nhằm mang lại hiệu quả kinh tế nhất cho người chăn nuôi. Trên hết là bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng.

### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### Đối tượng nghiên cứu

Mẫu thân thịt và cơ quan nội tạng của 523 lợn ở độ tuổi giết mổ tại tỉnh Điện Biên.

#### Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 2 năm 2016 đến tháng 6 năm 2016.

#### Phương pháp nghiên cứu

Quan sát và ghi nhận bệnh tích đại thể trên thân thịt và nội tạng lợn.

+ Khám sát bệnh tích trên da: Quan sát màu sắc, những vết lở loét, áp xe trên da. Kiểm tra xuất huyết dưới da.

+ Khám sát bệnh tích đại thể trên phổi: Quan sát tìm sự thay đổi về màu sắc, hình dạng, kích thước của phổi, màng phổi. Dùng tay sờ nắn để nhận định độ đàn hồi, cứng, mềm, lồi, lõm của vùng bệnh tích so với vùng bình thường ở xung quanh. Dùng dao bén vạch vùng phổi có bệnh tích để xem tính chất của dịch thoát ra từ vết cắt dưới dạng nước, bọt màu hồng, dịch nhầy, mù hay máu; tìm giun phổi.

+ Khám sát bệnh tích đại thể trên gan: Quan sát tổng quát tìm sự thay đổi về hình dáng, màu sắc, độ láng rìa cạnh gan và các dạng bệnh tích xuất hiện ở mặt ngoài gan. Sờ nắn xem độ cứng mềm của gan. Xếp loại, ghi

\* Tel: 0165 470 4341 Email: [ntuyen43ty@gmail.com](mailto:ntuyen43ty@gmail.com)

nhận vị trí, độ lớn và sự phân bố của loại bệnh tích trên gan.

+ Khảo sát bệnh tích đại thể trên thận: Kiểm tra màng bao thận bằng cách quan sát tìm sự thay đổi về màu sắc, độ dày của bao thận. Bóc bao thận để xem bao thận có dễ bóc hay dính vào thận. Ngoài ra cần quan sát sự thay đổi về màu sắc, hình dáng và những bệnh tích khác ở mặt ngoài thận. Xếp loại, ghi nhận vị trí, độ lớn và sự phân bố của loại bệnh tích trên thận.

+ Khảo sát dạ dày, ruột non, ruột già:

Dạ dày: Mô dạ dày theo đường cong nhỏ, cho chất chứa trong dạ dày vào thau, tiến hành rửa lắng nhiều lần để nhặt giun sán. Ghi nhận những tổn thương và kiểm tra sự hiện diện của giun sán ký sinh.

Ruột non, ruột già: Bóc lộ niêm mạc trong của ruột ra ngoài để quan sát bệnh tích, cho chất chứa vào thau, rửa lắng nhiều lần để tìm giun sán.

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### Tình hình nhiễm bệnh và tỉ lệ xuất hiện bệnh tích ghép ở lợn

Qua mô khám 523 con lợn từ nhiều nguồn khác nhau được mang đến giết mổ tại thành phố Điện Biên Phủ cho thấy có 397 con có bệnh tích chiếm tỉ lệ là 75,91% (Bảng 1).

Bảng 1 thể hiện bệnh tích xuất hiện trên lợn không chỉ đơn thuần ở 1 hệ cơ quan mà

thường kết hợp ở nhiều hệ cơ quan, có khi bệnh tích thể hiện ở cả 6 hệ cơ quan. Qua khảo sát cho thấy trong số 523 lợn mô khám có 397 con có bệnh tích. Trong đó có 167 con có bệnh tích ở 1 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 42,07%; 123 con xuất hiện bệnh tích ghép ở 2 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 30,98%; 76 con có bệnh tích ở 3 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 19,14%; 25 con có bệnh tích ghép 4 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 6,30%; 4 con có bệnh tích ghép 5 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 1,01%; và 2 con có bệnh tích ghép 6 hệ cơ quan chiếm tỉ lệ 0,50%. Do đó, trong vấn đề chẩn đoán bệnh không chỉ đơn thuần dựa vào một triệu chứng hoặc một bệnh tích mà phải kết hợp những triệu chứng, bệnh tích lại với nhau. Kết quả còn cho thấy lợn mang đến giết mổ tại cơ sở không chỉ nhiễm một bệnh mà có thể là nhiễm cùng một lúc nhiều bệnh với nhau.

### Kết quả khảo sát bệnh tích trên da và một số nội quan của lợn

Chúng tôi tiến hành mô khám sát 523 lợn và nhận thấy: Có 45 lợn nhiễm bệnh tích ngoài da chiếm tỉ lệ 11,34% với những bệnh tích trên da như: xuất huyết da do thành tầng màng lớn nguyên nhân có thể do xây xát lúc bắt, vận chuyển lúc trời nắng nóng hoặc lợn bị đè nén, nhốt chật.

Bảng 1. Tình hình nhiễm bệnh và tỉ lệ xuất hiện bệnh tích ghép ở lợn

SKT	SCBT	Tỉ lệ (%)	BT 1 hệ		BT 2 hệ		BT 3 hệ		BT 4 hệ		BT 5 hệ		BT 6 hệ	
			Số có BT	Tỉ lệ (%)	Số có BT	Tỉ lệ (%)	Số có BT	Tỉ lệ (%)	Số có BT	Tỉ lệ (%)	Số có BT	Tỉ lệ (%)	Số có BT	Tỉ lệ (%)
523	397	75,91	167	42,07	123	30,98	76	19,14	25	6,30	4	1,01	2	0,50

Chú thích. SKT: Số mẫu kiểm tra

SCBT: Số mẫu có bệnh tích

BT: Bệnh tích

Bảng 2. Kết quả khảo sát bệnh tích trên da và một số nội quan của lợn

Số con khảo sát	Số con có bệnh tích		Cơ quan có bệnh tích/số con có bệnh tích											
			Da		Phổi		Gan		Thận		Dạ dày		Ruột	
	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)
523	397	75,91	45	11,34	278	70,03	176	44,33	89	17,02	53	13,35	67	16,88

Bệnh tích trên phổi xuất hiện nhiều nhất chiếm tỉ lệ 70,03% do vệ sinh chuồng trại chưa tốt, kiến thức về chăm sóc, quản lý, phòng và trị bệnh của người chăn nuôi chưa cao là nguyên nhân gây ra những bệnh lý đường hô hấp. Về mặt giải phẫu, phổi được coi là cơ quan cửa ngõ của cơ thể, nhiệm vụ là trao đổi khí với môi trường bên ngoài nên việc tiếp xúc thường xuyên với mầm bệnh là điều không thể tránh khỏi. Sự nhiễm khuẩn và bệnh tích ở phổi cũng rất đa dạng và chiếm tỉ lệ cao hơn ở các cơ quan khác.

Bệnh tích trên gan chiếm tỉ lệ 44,33%. Bờ gan là cơ quan giải độc, máu từ các cơ quan như: dạ dày, ruột, lách về gan có thể mang theo độc tố. Ngoài ra, môi trường sống, thức ăn, nước uống hằng ngày cũng là một trong những yếu tố tác động đến gan và gây ra bệnh ở gan.

Bệnh tích trên thận có thể xuất hiện ở một hoặc cả hai quả thận, chiếm 17,02%. Thận có chức năng lọc lấy dưỡng chất cần thiết cho cơ thể đồng thời bài thải chất cặn bã, độc tố,... ra môi trường ngoài. Do đó, trong quá trình mổ khám sát phát hiện bệnh thì thận là một cơ quan không thể bỏ qua.

Bệnh tích trên dạ dày và ruột chiếm tỉ lệ 13,35% và 16,88%. Bệnh tích ở ruột chủ yếu là do tác động của ký sinh trùng mà chủ yếu là giun đũa. Trong số 67 lợn có nhiều giun đũa ký sinh ở ruột non thì chúng tôi phát hiện

được có hàng trăm giun đũa ký sinh trên một lợn. Tuy nhiên, tỉ lệ xuất hiện bệnh tích ở ruột của dê tài chúng tôi tương đối thấp là do người chăn nuôi đã ý thức hơn trong việc tẩy trừ giun sán định kỳ; lợn được nuôi nhốt, thức ăn được phối trộn theo khẩu phần hợp lý, giúp lợn tiêu hóa, hấp thu tốt hơn nên đã làm giảm tỉ lệ nhiễm ký sinh trùng.

### Tỉ lệ bệnh tích và các dạng bệnh tích xuất hiện trên phổi

Qua khảo sát 523 mẫu phổi, chúng tôi nhận thấy có 278 mẫu phổi mang bệnh chiếm tỉ lệ 70,03%. Trong đó phổi có biểu hiện sung huyết, xuất huyết với số mẫu nhiễm là 156 chiếm tỉ lệ cao nhất (56,11%), tiếp đến là phổi viêm với 59 mẫu nhiễm chiếm tỉ lệ 21,22%; Phổi nhục hóa với 31 mẫu nhiễm chiếm 11,15%; Phổi xẹp là 25 mẫu nhiễm chiếm 8,99%; và phổi phù với 7 mẫu chiếm tỉ lệ thấp nhất là 2,52%. Tỉ lệ xuất hiện bệnh tích trên phổi ở nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn các nghiên cứu của Nguyễn Phúc Khánh (2013) [5] cho biết tỉ lệ phổi sung huyết – xuất huyết lần là 60,91% phổi xẹp chiếm 6,60%. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Ngô Phú Cường (2010) [3], tỉ lệ phổi sung huyết chiếm 3,59%, phổi xẹp chiếm 34,03%. Kết quả nghiên cứu cho thấy bệnh tích không do viêm (phổi sung huyết - xuất huyết, phổi xẹp, phổi phù) chịu ảnh hưởng nhiều bởi quy trình kỹ thuật, thời gian giết mổ tại lò mổ.

**Bảng 3.** Tỉ lệ các dạng bệnh tích xuất hiện trên phổi lợn

Loại bệnh tích	Số lợn có bệnh tích		Mức độ					
			Điểm		Đám		Toàn bộ	
	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)
Phổi sung huyết, xuất huyết	156	56,11	36	12,95	105	37,75	15	5,40
Phổi viêm	59	21,22			48	17,27	11	3,96
Phổi nhục hóa	31	11,15			24	8,63	7	2,52
Phổi xẹp	25	8,99			17	6,11	8	2,88
Phổi phù	7	2,52	-	-	-	-	7	2,52

Bệnh tích phổi viêm (viêm dính, viêm mù) chiếm tỉ lệ 20,65%, cao hơn kết quả khảo sát Nguyễn Phúc Khánh (2013) [5] với 19,29%, Ngô Phú Cường (2010) [3] với 12,15%, Nguyễn Văn Lục (2004) [6] với 11,78%. Phổi viêm xuất huyết do lợn mắc bệnh tụ huyết trùng, những trường hợp nặng hơn thấy màng phổi dính vào xoang ngực, xơ hóa có dịch màu đỏ trong xoang ngực (viêm phổi và viêm màng phổi). Mặt khác do chủ giết mổ vì lợi nhuận nên bơm nước làm căng xoang bụng, chèn ép thể tích phổi gây vỡ các mao mạch làm xuất huyết từng mảng nhỏ hay mảng lớn trên 1 hoặc cả 2 mặt phổi.

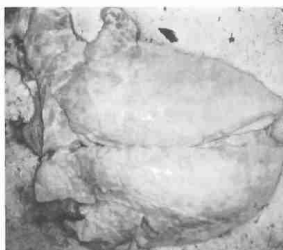
Bệnh tích phổi viêm nhục hóa chiếm tỉ lệ 11,34% là do quá trình nuôi với mật độ khá cao, không kiểm soát được nhiệt độ, ẩm độ

trong chuồng nuôi, nuôi nhốt lợn nhiều lứa tuổi hay nhiều lợn trong một chuồng, lợn bệnh không điều trị hay điều trị không đúng cách. Nếu cắt ngang phổi có dịch viêm, đôi khi là mù, phổi nhục hóa chủ yếu ở thùy đỉnh, thùy tim có tính chất đối xứng. Đây là bệnh tích đặc trưng khi lợn bị viêm phổi địa phương do *Mycoplasma hyopneumoniae* gây ra.

Kết quả khảo sát trên phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Nội và Nguyễn Ngọc Nhiên (1993) [7] cho rằng: “Nhục hóa từng tiểu thùy hoặc thùy phổi kèm theo hiện tượng viêm phổi hay viêm màng phổi”. Viêm màng phổi sinh tơ huyết tại chỗ viêm cho thấy lợn bị viêm phổi và viêm màng phổi cấp hay mãn tính.



**Hình 1.** Phổi ứ huyết



**Hình 2.** Phổi nhục hóa



**Hình 3.** Phổi viêm có mù



**Hình 4.** Phổi viêm dính



Hình 5. Phổi xẹp



Hình 6. Phổi phù

### Tỉ lệ bệnh tích và các dạng bệnh tích xuất hiện trên gan lợn

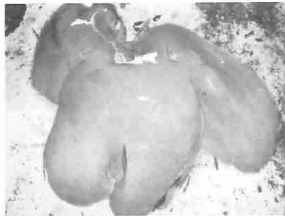
**Bảng 4.** Tỉ lệ các dạng bệnh tích xuất hiện trên gan lợn

Loại bệnh tích	Số lợn có bệnh tích		Mức độ					
			Điểm		Đám		Toàn bộ	
	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)
Gan sung huyết, xuất huyết	93	52,84			24	13,64	69	39,20
Gan xơ	38	21,59	4	2,27	27	15,34	7	3,98
Gan có đốm trắng	35	19,89	3	1,70	28	15,91	4	2,27
Gan vàng	10	5,68	-				10	5,68

Qua bảng 4 ta thấy: Có 176 mẫu gan mang bệnh tích trong tổng số 523 mẫu điều tra chiếm 44,33%. Tỉ lệ này thấp hơn Lưu Hoàng Toàn (2006) [8] là 62,86%.. Qua đó ta thấy bệnh tích trên gan có chiều hướng giảm. Cụ thể, ta thấy bệnh tích sung huyết-xuất huyết chiếm tỉ lệ cao nhất (52,84%), bệnh tích gan vàng chiếm tỉ lệ thấp nhất (5,68%) so với các bệnh tích ở gan; trên bề mặt gan xuất hiện từng đám đốm trắng chiếm 19,89%, nguyên nhân có thể do kết quả của quá trình di hành của giun đũa khi lợn nuôi càng lâu thì tỉ lệ nhiễm càng thấp do cơ chế phục hồi của các cơ quan nên số lượng bệnh tích phát hiện càng giảm. Từ đó cho thấy bệnh tích đốm trắng trên là dấu hiệu của ký sinh trùng giun đũa gây ra. Bệnh tích gan vàng thường thấy trên toàn bộ gan.



Hình 7. Gan sung huyết, xuất huyết



Hình 8. Gan vàng



Hình 9. Gan ứ huyết dẫn đến xơ gan



Hình 10. Gan xơ dầm trắng rai trên khắp các thùy gan

### Tỉ lệ bệnh tích và các dạng bệnh tích xuất hiện trên thận

Bảng 5. Tỉ lệ các dạng bệnh tích xuất hiện trên thận lợn

Loại bệnh tích	Số lợn có bệnh tích		Mức độ					
			Điểm		Đám		Toàn bộ	
	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)	Số con	Tỉ lệ (%)
Thận sung huyết	48	53,93	-	-	48	53,93	-	-
Thận xuất huyết	15	16,85	13	14,61	2	2,25	-	-
Thận áp xe hoại tử	26	29,21	9	10,11	17	19,10	-	-

Qua bảng 5 cho thấy. Tỉ lệ bệnh tích khảo sát trên thận là 17,02%, thấp hơn kết quả của Nguyễn Thị Chúc (2002) [2] là 41%. Cu thể là bệnh tích sung huyết trên thận chiếm tỉ lệ cao nhất với 53,93%, bệnh tích xuất huyết ở thận chiếm 16,85%. Bệnh tích thường chi xuất hiện trên một thận và xuất hiện thành từng đám. Độc tố của mầm bệnh, các thuốc, các chất thải của cơ thể trong quá trình trao đổi chất được đưa tới thận để thải ra ngoài.



Hình 11. Thận áp xe hoại tử



Hình 12. Thận xuất huyết

### Tỉ lệ bệnh tích và các dạng bệnh tích xuất hiện trên dạ dày và ruột lợn

Bệnh tích khảo sát trên dạ dày, ruột chủ yếu là xuất huyết dạ dày, ruột do sự ký sinh của ký sinh trùng, ký sinh trùng đi hành.

Trong tổng số lợn khảo sát là 523, số lợn bị viêm dạ dày, xuất huyết niêm mạc dạ dày là 53 lợn. Lợn bị viêm dạ dày, xuất huyết niêm mạc dạ dày là do thức ăn, ký sinh trùng ký sinh. Số lợn có ký sinh trùng giun đũa là 67 lợn chiếm 16,88%. Nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của Lương Văn Huân (1995) [4] với 64,30%. Lợn nhiễm giun đũa để lại bệnh tích trên gan, gan xuất hiện nhiều đốm trắng do sự di hành của giun đũa.



**Hình 13.** Giun đũa ký sinh ở ruột lợn

## KẾT LUẬN

Kiểm tra thân thịt và phủ tạng của 523 lợn tại một số huyện ở tỉnh Điện Biên, thấy có 397 lợn mang bệnh tích, chiếm tỉ lệ 75,91%. Trong đó, bệnh tích ở phổi chiếm tỉ lệ 70,03% với 5 dạng bệnh tích như phổi sung huyết-xuất huyết, phổi xẹp, phổi phù, phổi nhục hóa, phổi viêm. Bệnh tích ở gan chiếm tỉ lệ 44,33% với 4 dạng bệnh tích chủ yếu là sung huyết-xuất huyết, gan xơ, gan có đốm trắng, gan vàng. Bệnh tích ở thận chiếm tỉ lệ 17,02% với biểu hiện thận sung huyết, xuất huyết hay áp xe hoại tử; bệnh tích ruột chiếm tỉ lệ

16,88% và bệnh tích dạ dày xuất huyết chiếm tỉ lệ 13,35%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Minh Châu (1997), *Khảo sát bệnh tích viêm phổi heo tại 3 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
2. Nguyễn Thị Chúc (2002), *Thu thập, phân loại và bảo quản bệnh tích đại thể ở gan, thận, lách của heo tại lò mổ tập trung thành phố Cần Thơ*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Cần Thơ.
3. Ngô Phú Cường (2010), *Khảo sát bệnh tích trên phổi heo tại các lò mổ và phân lập vi khuẩn APP và kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn với kháng sinh*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
4. Lương Văn Huân (1995), *Giun sán ký sinh ở lợn một số tỉnh phía Nam và biện pháp phòng ngừa*, Luận án PTS Khoa học Nông nghiệp.
5. Nguyễn Phúc Khánh, Trần Ngọc Bích (2013), "Khảo sát những bệnh tích đại thể trên nội tạng của heo giết mổ tại thành phố Cà Mau", *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ*, số 27.
6. Nguyễn Văn Lục (2004), *Khảo sát bệnh tích viêm phổi heo tại lò mổ huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.
7. Nguyễn Thị Nội, Nguyễn Ngọc Nhiên (1991), *Một số vi khuẩn trong bệnh hô hấp truyền nhiễm của heo*, Trích công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1990-1991, Nxb Nông nghiệp.
8. Lư Hoàng Toàn (2006), *Khảo sát các dạng bệnh tích xơ hóa trên gan heo tại lò mổ Cần Thơ*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Cần Thơ.

## SUMMARY

THE DISSECT LESIONS ON PIGS CARCASE AND VISCERA  
IN THE AREA OF DIEN BIEN PROVINCENguyễn Văn Tuyền<sup>\*</sup>*Dien Bien College of Economics and Technology*

The research was carried out by using the method of observing and slaughtering 523 swines in Dien Bien province. We found that there were 397 pigs with one or more lesions on pig viscera (75.91%). There are 397 pigs presented lung lesions (70.03%) with five types of lesions such as congestion haemorrhage, atelectasis, edema, necrosis and inflammation. Lesions in the liver accounted for 44.33% with four types of lesions including congestion - haemorrhage, cirrhosis, milk spots and jaundice. Lesions in the god accounted for 17.02% with three types of lesions including congestion haemorrhage, necrotic abscess. Intestinal lesions accounted for 16.88% and gastric hemorrhagic lesions were 13.35%.

**Key words:** *Pigs, macro lesions, Viscera, Dien Bien province.*

*Ngày nhận bài: 10/6/2016; Ngày phản biện: 12/6/2016; Ngày duyệt đăng: 24/01/2017*  
***Phản biện khoa học:*** TS. Nguyễn Thị Ngân - Trường Đại học Nông Lâm- ĐHTN

<sup>\*</sup> Tel: 0165 470 4341 Email: [tuyen43ty@gmail.com](mailto:tuyen43ty@gmail.com)